

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ, hủy bỏ, hủy công khai thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1397/QĐ-BKHĐT ngày 21/9/2018 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ/hủy bỏ, hủy công khai lĩnh vực đấu thầu, hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, thành lập và hoạt động của doanh nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 654/QĐ-BKHĐT ngày 08/5/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc công bố danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ trong lĩnh vực thành lập và hoạt động của liên hiệp hợp tác xã và hợp tác xã thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 1327/QĐ-BKHĐT ngày 28/8/2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc công bố thủ tục hành chính mới, thủ tục hành chính bãi bỏ lĩnh vực vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 701/QĐ-BKHĐT ngày 02/6/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc công bố thủ tục hành chính mới, bãi bỏ trong lĩnh vực đầu tư tại Việt Nam thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 885/QĐ-BKHĐT ngày 30/6/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ, hủy bỏ, hủy công khai trong lĩnh vực thành lập và hoạt động của doanh

ng nghiệp, hộ kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 1238/QĐ-BKHĐT ngày 30/8/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc công bố thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực thành lập và hoạt động của doanh nghiệp xã hội thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 1550/QĐ-BKHĐT ngày 10/11/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc công bố cập nhật, sửa đổi, bổ sung nội dung của một số thủ tục hành chính đã công bố tại Quyết định số 885/QĐ-BKHĐT ngày 30/6/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 1643/QĐ-BKHĐT ngày 10/12/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đầu tư theo phương thức đối tác công tư, đấu thầu thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và đầu tư;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 97/TTr-SKHĐT ngày 24 tháng 02 năm 2022 và Văn bản số 1207/SKHĐT-VP ngày 06 tháng 4 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này các thủ tục hành chính ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ, hủy bỏ, hủy công khai thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai, trong đó:

1. Ban hành mới 08 thủ tục hành chính cấp tỉnh, bao gồm: 07 thủ tục thuộc lĩnh vực thành lập và hoạt động của doanh nghiệp; 01 thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

2. Sửa đổi tên 03 lĩnh vực thủ tục hành chính và sửa đổi, bổ sung, thay thế 100 thủ tục hành chính cấp tỉnh và cấp huyện, bao gồm:

- Sửa đổi 02 tên lĩnh vực thủ tục hành chính cấp tỉnh và 01 tên lĩnh vực thủ tục hành chính cấp huyện, cụ thể là:

+ Điều chỉnh tên lĩnh vực được công bố tại Quyết định số 4242/QĐ-UBND ngày 27/12/2019 của UBND tỉnh Đồng Nai đối với “*Lĩnh vực thành lập và hoạt động của liên hiệp hợp tác xã*” cấp tỉnh; tên lĩnh vực điều chỉnh lại theo Quyết định số 654/QĐ-BKHĐT ngày 08/5/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư là “*Lĩnh vực thành lập và hoạt động của Liên hiệp hợp tác xã và hợp tác xã*”.

+ Điều chỉnh tên lĩnh vực được công bố tại Quyết định số 4900/QĐ-UBND ngày 24/12/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai: “*Lĩnh vực viện trợ phi chính phủ nước ngoài (NGOs)*” cấp tỉnh; tên lĩnh vực điều chỉnh lại theo Quyết định số 1327/QĐ-BKHĐT ngày 28/8/2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư là “*Lĩnh vực vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức*”.

+ Điều chỉnh tên lĩnh vực được công bố tại Quyết định số 4242/QĐ-UBND ngày 27/12/2019 của UBND tỉnh Đồng Nai đối với “*Lĩnh vực thành lập và hoạt động của liên hiệp hợp tác xã*” cấp huyện; tên lĩnh vực điều chỉnh lại theo Quyết định số 654/QĐ-BKHĐT ngày 08/5/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư là “***Lĩnh vực thành lập và hoạt động của Liên hiệp hợp tác xã và hợp tác xã***”.

- Sửa đổi, bổ sung, thay thế 79 thủ tục hành chính cấp tỉnh và 21 thủ tục hành chính cấp huyện, cụ thể là:

+ Sửa đổi, bổ sung, thay thế 57 thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực thành lập và hoạt động của doanh nghiệp theo các số thứ tự 06, 07, 08, 09, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 23, 24, 25, 29, 31, 34, 35, 36, 37, 38, 39, 40, 41, 42, 43, 44, 45, 46, 47, 48, 49, 50, 51, 52, 53, 55, 56, 57, 58, 59, 60 tại Quyết định số 4242/QĐ-UBND ngày 27/12/2019 và thủ tục số 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14 tại Quyết định số 4900/QĐ-UBND ngày 24/12/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai (*cấp tỉnh*).

+ Sửa đổi 15 thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực thành lập và hoạt động của liên hiệp hợp tác xã theo các số thứ tự từ 61 đến 75 tại Quyết định số 4242/QĐ-UBND ngày 27/12/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai (*cấp tỉnh*).

+ Chuyển 04 thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực thành lập và hoạt động của doanh nghiệp xã hội, thủ tục số 76, 77, 78, 83 (trong đó gộp thủ tục số 76 và 83 thành 01 thủ tục) tại Quyết định 4242/QĐ-UBND ngày 27/12/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai sang lĩnh vực thành lập và hoạt động của doanh nghiệp (*cấp tỉnh*).

+ Sửa đổi 01 thủ tục hành chính số 01 thuộc lĩnh vực đấu thầu tại Quyết định số 2953/QĐ-UBND ngày 27/8/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai (*cấp tỉnh*).

+ Điều chỉnh tên 01 thủ tục hành chính số 08 thuộc lĩnh vực viện trợ phi chính phủ nước ngoài (NGOs) tại Quyết định số 4900/QĐ-UBND ngày 27/12/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai (*cấp tỉnh*).

+ Đính chính, bổ sung thành phần hồ sơ 01 thủ tục hành chính số 07 thuộc lĩnh vực đầu tư tại Quyết định số 2953/QĐ-UBND ngày 27/8/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai (*cấp tỉnh*).

+ Sửa đổi 05 thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực thành lập và hoạt động của hộ kinh doanh (thay đổi căn cứ pháp lý, mức thu lệ phí và mẫu đơn, tờ khai) bao gồm các thủ tục 01, 02, 03, 04, 05 tại Quyết định số 4242/QĐ-UBND ngày 27/12/2019 của UBND tỉnh Đồng Nai (*cấp huyện*).

+ Sửa đổi 16 thủ tục hành chính trong lĩnh vực thành lập và hoạt động của hợp tác xã (thay đổi căn cứ pháp lý và mức thu lệ phí) bao gồm thủ tục số 06, 07, 08, 09, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21 tại Quyết định số 4242/QĐ-UBND ngày 27/12/2019 của UBND tỉnh Đồng Nai (*cấp huyện*).

3. Bãi bỏ, hủy công khai 24 thủ tục hành chính cấp tỉnh, bao gồm:

- Bãi bỏ và hủy công khai 19 thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực thành lập và hoạt động của doanh nghiệp theo số thứ tự 13, 14, 15, 16, 17, 19, 25, 26, 27, 30, 34,

37, 38, 39, 40, 42, 47, 54 tại Quyết định số 4242/QĐ-UBND ngày 27/12/2019 của UBND tỉnh Đồng Nai; thủ tục số 14 tại Quyết định số 4900/QĐ-UBND ngày 24/12/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai;

- Bãi bỏ và hủy công khai 05 thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực thành lập và hoạt động của doanh nghiệp xã hội theo số thứ tự 79, 80, 81, 82, 83 tại Quyết định số 4242/QĐ-UBND ngày 27/12/2019 của UBND tỉnh Đồng Nai;

(Danh mục và nội dung thủ tục hành chính đính kèm)

Trường hợp thủ tục hành chính công bố tại Quyết định này khác hoặc đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ/hủy bỏ thì áp dụng thực hiện theo Quyết định đã được công bố của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và văn bản pháp luật hiện hành.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký, các nội dung khác tại Quyết định số 4242/QĐ-UBND ngày 27/12/2019, Quyết định số 2953/QĐ-UBND ngày 27/8/2021 và Quyết định số 4900/QĐ-UBND ngày 24/12/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai vẫn giữ nguyên giá trị pháp lý.

Điều 3. Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai; UBND các huyện, thành phố Long Khánh và thành phố Biên Hòa; Trung tâm Hành chính công tỉnh có trách nhiệm công khai các thủ tục hành chính này tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của đơn vị.

Văn phòng UBND tỉnh phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư cập nhật nội dung thủ tục hành chính đã được công bố lên Cơ sở dữ liệu quốc gia.

Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm xây dựng, điều chỉnh quy trình nội bộ, quy trình điện tử của các thủ tục hành chính được ban hành mới, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ; làm cơ sở để Sở Thông tin và Truyền thông triển khai cập nhật nội dung đối với các thủ tục hành chính được ban hành mới; điều chỉnh nội dung đối với những thủ tục hành chính được sửa đổi trên Phần mềm Một cửa điện tử (Egov) của tỉnh.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban Nhân dân tỉnh; Giám đốc, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố Long Khánh và thành phố Biên Hòa; Giám đốc Trung tâm Hành chính công tỉnh Đồng Nai và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /*gk*

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục Kiểm soát thủ tục hành chính (VPCP);
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Đài Phát thanh và Truyền hình Đồng Nai;
- Báo Đồng Nai;
- Trung tâm kinh doanh VNPT (1022);
- Lưu: VT, KTN, HCC, Cổng TTĐT tỉnh.



CHỦ TỊCH

Cao Tiến Dũng



Phụ lục I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ, BÃI BỎ,
HỦY BỎ, HỦY CÔNG THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA NGÀNH
KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH ĐỒNG NAI
(Ban hành kèm theo Quyết định số 962.../QĐ-UBND ngày 18 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

STT	MÃ SỐ	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	CĂN CỨ PHÁP LÝ	CƠ QUAN THỰC HIỆN	SỐ TRANG
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI					
I. LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP					
1	1.010010	Đề nghị dùng thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 (Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14); - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp (Nghị định số 01/2021/NĐ-CP); - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp (Thông tư số 47/2019/TT-BTC); - Thông tư số 01/2021/TT-BKHDT ngày 16/03/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp (Thông tư số 01/2021/TT-BKHDT).	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư	1-6

2	1.010023	Thông báo hủy bỏ nghị quyết, quyết định giải thể doanh nghiệp	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT.	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư	7-12
3	2.002057	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đối với công ty bị tách (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần)	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT.	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư	13-37
4	2.002033	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT.	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư	38-52
5	1.010027	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT.	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư	53-68
6	1.010029	Thông báo về việc sáp nhập công ty trong trường hợp sau sáp nhập công ty, công ty nhận sáp nhập không thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT.	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư	69-74
7	1.010031	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hoạt động chi nhánh đối với các doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT.	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư	75-91
II. LĨNH VỰC HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA					
8	2.001999	Thủ tục hỗ trợ tư vấn, hướng dẫn hồ sơ, thủ tục thành lập doanh nghiệp	- Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; - Nghị định số 38/2018/NĐ-CP.	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư	92-93

		(Cấp tỉnh)		Kế hoạch và Đầu tư	
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ					
I. LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP					
1	2.001610	Đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHDT.	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư	94-108
2	2.001583	Đăng ký thành lập công ty TNHH một thành viên	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHDT.	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư	109-128
3	2.001199	Đăng ký thành lập công ty TNHH hai thành viên trở lên	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHDT	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư	129-147
4	2.002043	Đăng ký thành lập công ty cổ phần	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHDT.	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư	148-169
5	2.002042	Đăng ký thành lập công ty hợp danh	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHDT.	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư	170-185
6	2.002041	Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHDT.	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư	186-201
7	1.005169	Đăng ký đổi tên doanh nghiệp (đối	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14;	Phòng Đăng ký	202-217

		với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	- Nghị định số 01/2021/NĐ-CP; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT	kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư	
8	2.002011	Đăng ký thay đổi thành viên hợp danh	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư	218-232
9	2.002010	Đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư	233-241
10	2.002009	Đăng ký thay đổi vốn điều lệ, phần vốn góp, tỷ lệ phần vốn góp (đối với công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT.	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư	242-257
11	2.002008	Đăng ký thay đổi thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT.	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư	258-280
12	1.005114	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT.	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư	281-293
13	2.002000	Đăng ký thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân trong trường hợp bán, tặng cho doanh nghiệp, chủ doanh nghiệp chết	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT.	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư	294-302
14	2.001996	Thông báo thay đổi ngành, nghề kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC;	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư	303-317

		phần, công ty hợp danh)	- Thông tư số 01/2021/TT-BKHDT - Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHDT	Đầu tư	
15	2.001993	Đăng ký thay đổi vốn đầu tư của chủ doanh nghiệp tư nhân	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHDT	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư	318-331
16	2.002044	Thông báo thay đổi thông tin của cổ đông sáng lập công ty cổ phần chưa niêm yết	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHDT	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư	332-347
17	2.001992	Thông báo thay đổi cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài trong công ty cổ phần chưa niêm yết	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHDT	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư	348-364
18	2.001954	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký thuế (trừ thay đổi phương pháp tính thuế)	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHDT	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư	365-378
19	2.002069	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHDT.	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư	379-391
20	2.002070	Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHDT	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư	392-396
21	2.002031	Đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động, tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo, chấm dứt hoạt động đối với chi	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHDT.	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư	397-421

		nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trong trường hợp chỉ nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh khác tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương			
22	2.002075	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh thay thế nội dung đăng ký hoạt động trên Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện do Cơ quan đăng ký đầu tư cấp mà không thay đổi nội dung đăng ký hoạt động đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh cùng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư	422-439
23	2.002072	Thông báo lập địa điểm kinh doanh	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP;	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở	440-451

			- Thông tư số 47/2019/TT-BTC; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHDĐT	Kế hoạch và Đầu tư	
24	2.002045	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHDĐT	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư	452-458
25	1.005176	Đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động, tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo, chấm dứt hoạt động đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trên Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện do Cơ quan đăng ký đầu tư cấp đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh cùng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHDĐT	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư	459-488
26	1.010026	Thông báo thay đổi thông tin cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài, thông báo thay đổi thông tin người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài, thông báo cho	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHDĐT.	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư	490-499

		thuê doanh nghiệp tư nhân, thông báo thay đổi thông tin người đại diện theo ủy quyền				
27	2.002085	Đăng ký doanh nghiệp đối với các công ty được thành lập trên cơ sở chia công ty	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT.	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư	501-541	
28	2.002083	Đăng ký doanh nghiệp đối với các công ty được thành lập trên cơ sở tách công ty	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư	542-582	
29	2.002059	Hợp nhất doanh nghiệp (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần và công ty hợp danh)	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT.	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư	583-628	
30	2.002060	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đối với công ty nhận sáp nhập (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần và công ty hợp danh)	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư	629-655	
31	2.002034	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần và ngược lại	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT.	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư	656-694	
32	2.002032	Chuyển đổi doanh nghiệp tư nhân thành công ty hợp danh, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT.	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư	695-734	
33	2.002018	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy xác nhận về	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP;	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở	736-741	

		việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp do bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác	- Thông tư số 47/2019/TT-BTC; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHDT	Kế hoạch và Đầu tư	
34	2.002017	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp nhưng không thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHDT	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư	742-747
35	2.002015	Cấp nhật bổ sung thông tin trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHDT.	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư	748-753
36	2.002029	Thông báo tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo (doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh)	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHDT	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư	754-761
37	2.002023	Giải thể doanh nghiệp	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHDT.	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư	762-768
38	2.002022	Giải thể doanh nghiệp trong trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc theo quyết định của Tòa án	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHDT.	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư	769-774
39	2.002020	Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP;	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở	775-782

40	2.002016	Hiệu đính thông tin đăng ký doanh nghiệp	- Thông tư số 47/2019/TT-BTC; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT	Kế hoạch và Đầu tư	783-788
41	1.010030	Cấp đổi Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trong trường hợp không thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh và có thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư	789-801
42	2.000368	Chấm dứt Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư	802-806
43	2.000416	Chuyển đổi doanh nghiệp thành doanh nghiệp xã hội	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT.	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư	807-812
44	2.000375	Thông báo thay đổi nội dung Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC;	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư	813-818

			- Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT.	Đầu tư	
II. LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ VÀ HỢP TÁC XÃ					
45	1.005125	Đăng ký thành lập liên hiệp hợp tác xã	- Luật Hợp tác xã; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Nghị định số 107/2017/NĐ-CP ngày 15/9/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2013/NĐ-CP (Nghị định số 107/2017/NĐ-CP); - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT; - Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT; - Nghị quyết số 26/2020/NQ-HĐND.	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư	819-832
46	2.002013	Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã	- Luật Hợp tác xã; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT; - Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT; - Nghị quyết số 26/2020/NQ-HĐND.	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư	833-840
47	1.005003	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký liên hiệp hợp tác xã	- Luật Hợp tác xã; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT; - Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT; - Nghị quyết số 26/2020/NQ-HĐND.	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư	841-851
48	1.005047	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã	- Luật Hợp tác xã; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT; - Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT; - Nghị quyết số 26/2020/NQ-HĐND.	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư	852-857
49	1.005122	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã chia	- Luật Hợp tác xã; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT; - Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT;	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư	858-871

				- Nghị quyết số 26/2020/NQ-HĐND. - Luật Hợp tác xã; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT; - Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT; - Nghị quyết số 26/2020/NQ-HĐND.	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư	872-885
50	2.001979	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã tách		- Luật Hợp tác xã; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT; - Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT; - Nghị quyết số 26/2020/NQ-HĐND.	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư	886-899
51	2.001957	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã hợp nhất		- Luật Hợp tác xã; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT; - Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT; - Nghị quyết số 26/2020/NQ-HĐND.	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư	900-914
52	1.005056	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã sáp nhập		- Luật Hợp tác xã; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT; - Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT; - Nghị quyết số 26/2020/NQ-HĐND.	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư	915-920
53	1.005072	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã (trong trường hợp bị mất hoặc bị hư hỏng)		- Luật Hợp tác xã; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT; - Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT; - Nghị quyết số 26/2020/NQ-HĐND.	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư	921-926
54	2.001962	Giải thể tự nguyện liên hiệp hợp tác xã		- Luật Hợp tác xã; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT; - Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT; - Nghị quyết số 26/2020/NQ-HĐND.	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư	927-938
55	1.005064	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký liên hiệp hợp tác xã		- Luật Hợp tác xã; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT;	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư	

			- Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT; - Nghị quyết số 26/2020/NQ-HĐND.	Đầu tư	
56	1.005124	Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của liên hiệp hợp tác xã	- Luật Hợp tác xã; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT; - Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT; - Nghị quyết số 26/2020/NQ-HĐND.	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư	939-944
57	1.005046	Tạm ngừng hoạt động của liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã	- Luật Hợp tác xã; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT; - Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT; - Nghị quyết số 26/2020/NQ-HĐND.	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư	945-950
58	1.005283	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã	- Luật Hợp tác xã; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT; - Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT; - Nghị quyết số 26/2020/NQ-HĐND.	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư	951-958
59	2.002125	Cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã	- Luật Hợp tác xã; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT; - Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT; - Nghị quyết số 26/2020/NQ-HĐND.	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư	959-964
III. ĐẦU TƯ BẢNG VỐN HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN CHÍNH THỨC (ODA) VÀ VIỆN TRỢ KHÔNG HOÀN LẠI KHÔNG THUỘC HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN CHÍNH THỨC					
60	2.002335	Lập, thẩm định, quyết định phê duyệt khoản viện trợ phi dự án sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài thuộc thẩm quyền quyết	- Nghị định 80/2020/NĐ-CP	- UBND cấp tỉnh quyết định - Sở Kế hoạch và Đầu tư thực hiện	965-966

		định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh		
IV. LĨNH VỰC ĐẦU TƯ TẠI VIỆT NAM				
61	1.009645	Thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh	- Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020; - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021; - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021.	- UBND cấp tỉnh quyết định - Sở Kế hoạch và Đầu tư thực hiện 970-986
V. LĨNH VỰC ĐẦU THẦU				
62	2.002283	Danh mục dự án đầu tư có sử dụng đất do nhà đầu tư đề xuất (đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư)	- Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013; - Luật đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2021; - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/5/2021; - Nghị định số 25/2020/NĐ-CP ngày 28/02/2020.	- UBND cấp tỉnh quyết định - Sở Kế hoạch và Đầu tư thực hiện 987-988
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BẢI BỎ, HỦY BỎ, HỦY CÔNG KHAI				
I. LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP				
1		Thông báo thay đổi thông tin người quản lý doanh nghiệp, thông tin người đại diện theo uỷ quyền (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)		Bãi bỏ TTHC
2		Thông báo sử dụng, thay đổi, huỷ mẫu con dấu (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)		Bãi bỏ TTHC
3		Thông báo chào bán cổ phần riêng lẻ của công ty cổ phần không phải là công ty cổ phần đại chúng		Bãi bỏ TTHC
4		Công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)		Hủy công khai
5		Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty		Hủy công khai

	hợp danh)		
6	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần	Hủy công khai	
7	Thông báo cập nhật thông tin cổ đông là cá nhân nước ngoài, người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài (đối với công ty cổ phần)	Hủy công khai	
8	Thông báo cho thuê doanh nghiệp tư nhân	Hủy công khai	
9	Đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên từ việc chia doanh nghiệp	Hủy công khai	
10	Đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên từ việc chia doanh nghiệp	Hủy công khai	
11	Đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên từ việc tách doanh nghiệp	Hủy công khai	
12	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do tặng cho toàn bộ phần vốn góp	Hủy công khai	
13	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do có nhiều hơn một cá nhân hoặc nhiều hơn một tổ chức được thừa kế phần vốn của chủ sở hữu, công ty đăng ký chuyển đổi sang loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên	Hủy công khai	
14	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do thừa kế	Hủy công khai	
15	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền về sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước	Hủy công khai	
16	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do chuyển nhượng, tặng cho một phần vốn điều lệ cho tổ chức hoặc cá nhân khác hoặc công ty huy động thêm vốn góp từ cá nhân hoặc tổ chức khác	Hủy công khai	
17	Đăng ký doanh nghiệp thay thế nội dung đăng ký kinh doanh trong Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương khác	Hủy công khai	
18	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)	Hủy công khai	
19	Thông báo lập địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)	Hủy công khai	

II. LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP XÃ HỘI

20	Thông báo tiếp nhận viện trợ, tài trợ	Bãi bỏ TTHC	
21	Thông báo thay đổi nội dung tiếp nhận viện trợ, tài trợ	Bãi bỏ TTHC	
22	Công khai hoạt động của doanh nghiệp xã hội	Bãi bỏ TTHC	
23	Cung cấp thông tin, bản sao Báo cáo đánh giá tác động xã hội và Văn bản tiếp nhận viện trợ, tài trợ	Bãi bỏ TTHC	
24	Chuyển cơ sở bảo trợ xã hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện thành doanh nghiệp xã hội	Hủy công khai	

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

STT	MÃ SỐ	TÊN TTHC	CĂN CỨ PHÁP LÝ	CƠ QUAN THỰC HIỆN	SỐ TRANG
-----	-------	----------	----------------	-------------------	----------

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

I. LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘ KINH DOANH

1	1.001612	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 (Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14); - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp (Nghị định số 01/2021/NĐ-CP); - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày	Phòng Tài chính - Kế hoạch - UBND huyện	989-995
---	----------	---------------------------------	---	---	---------

			16/03/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp (Thông tư số 01/2021/TT-BKHDT).		
2	2.000720	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHDT.	Phòng Tài chính - Kế hoạch - UBND huyện	996-1004
3	1.001570	Tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo của hộ kinh doanh	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHDT.	Phòng Tài chính - Kế hoạch - UBND huyện	1005-1009
4	1.001266	Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHDT.	Phòng Tài chính - Kế hoạch - UBND huyện	1010-1013
5	2.000575	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHDT.	Phòng Tài chính - Kế hoạch - UBND huyện	1014-1017
II. LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ VÀ HỢP TÁC XÃ					
6	1.005280	Đăng ký thành lập hợp tác xã	- Luật Hợp tác xã; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHDT; - Thông tư số 07/2019/TT-BKHDT; - Nghị quyết số 26/2020/NQ-HĐND.	Phòng Tài chính - Kế hoạch - UBND huyện	1018-1031
7	2.002123	Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	- Luật Hợp tác xã; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHDT; - Thông tư số 07/2019/TT-BKHDT; - Nghị quyết số 26/2020/NQ-HĐND.	Phòng Tài chính - Kế hoạch - UBND huyện	1032-1039
8	1.005277	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã	- Luật Hợp tác xã; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP;	Phòng Tài chính - Kế hoạch -	1040-1051

			- Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT; - Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT; - Nghị quyết số 26/2020/NQ-HĐND.	UBND huyện	
9	1.005378	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chỉ nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	- Luật Hợp tác xã; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT; - Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT; - Nghị quyết số 26/2020/NQ-HĐND.	Phòng Tài chính - Kế hoạch - UBND huyện	1052-1057
10	2.002122	Đăng ký khi hợp tác xã chia	- Luật Hợp tác xã; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT; - Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT; - Nghị quyết số 26/2020/NQ-HĐND.	Phòng Tài chính - Kế hoạch - UBND huyện	1058-1070
11	2.002120	Đăng ký khi hợp tác xã tách	- Luật Hợp tác xã; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT; - Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT; - Nghị quyết số 26/2020/NQ-HĐND.	Phòng Tài chính - Kế hoạch - UBND huyện	1071-1083
12	1.005121	Đăng ký khi hợp tác xã hợp nhất	- Luật Hợp tác xã; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT; - Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT; - Nghị quyết số 26/2020/NQ-HĐND.	Phòng Tài chính - Kế hoạch - UBND huyện	1084-1096
13	1.004972	Đăng ký khi hợp tác xã sáp nhập	- Luật Hợp tác xã; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT; - Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT; - Nghị quyết số 26/2020/NQ-HĐND.	Phòng Tài chính - Kế hoạch - UBND huyện	1097-1108

14	2.001973	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã (trong trường hợp bị mất hoặc bị hư hỏng)	- Luật Hợp tác xã; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT; - Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT; - Nghị quyết số 26/2020/NQ-HĐND.	Phòng Tài chính - Kế hoạch - UBND huyện	1109-1114
15	1.004982	Giải thể tự nguyện hợp tác xã	- Luật Hợp tác xã; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT; - Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT; - Nghị quyết số 26/2020/NQ-HĐND.	Phòng Tài chính - Kế hoạch - UBND huyện	1115-1120
16	1.004979	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã	- Luật Hợp tác xã; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT; - Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT; - Nghị quyết số 26/2020/NQ-HĐND.	Phòng Tài chính - Kế hoạch - UBND huyện	1121-1134
17	2.001958	Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã	- Luật Hợp tác xã; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT; - Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT; - Nghị quyết số 26/2020/NQ-HĐND.	Phòng Tài chính - Kế hoạch - UBND huyện	1135-1140
18	1.005377	Tạm ngừng hoạt động của hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	- Luật Hợp tác xã; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT; - Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT; - Nghị quyết số 26/2020/NQ-HĐND.	Phòng Tài chính - Kế hoạch - UBND huyện	1141-1146
19	1.005010	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	- Luật Hợp tác xã; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT; - Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT;	Phòng Tài chính - Kế hoạch - UBND huyện	1147-1154

20	1.004901	Cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã	- Nghị quyết số 26/2020/NQ-HĐND. - Luật Hợp tác xã; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT; - Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT; - Nghị quyết số 26/2020/NQ-HĐND.	Phòng Tài chính - Kế hoạch - UBND huyện	1155-1160
21	1.004895	Thay đổi cơ quan đăng ký hợp tác xã	- Luật Hợp tác xã; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT; - Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT; - Nghị quyết số 26/2020/NQ-HĐND.	Phòng Tài chính - Kế hoạch - UBND huyện	1161-1163